

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2022/DS-PT

Ngày 19/8/2022

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***-Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa :* Ông Phạm Lâm Đồng

*Các Thẩm phán :* Ông Nguyễn Quyến

Ông Trương Hoài Bình

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:*** Bà Huỳnh Hồng Phil- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 và 19 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/ 2020 /TLPT ngày 04 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 179/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự :

***1. Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Văn D

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Huỳnh Chí T

Địa chỉ: N, khu vực S , phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

***2. Bị đơn:*** Bà Tạ Thị L

Địa chỉ: khu G, hẻm B, khu vực N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Bà Tạ Thị X

Ông Nguyễn Hữu T

Bà Nguyễn Thị Thu H

Bà La Thị Hồng N

Ông Tạ Minh Q

Ông Tạ Phước D

Ông Tạ Quốc H

Cùng địa chỉ: Khu G, hẻm B, khu vực N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà H, bà N, ông Q, D, H: Bà Tạ Thị X*

Bà Trần Thị Kim L

Bà Tạ Thị Kim T

Ông Tạ Chiến T

Cùng địa chỉ: khu G, hẻm B, khu vực N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Tuyền, ông T: Bà Trần Thị Kim L*

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố C

*4. Người kháng cáo: Bà Tạ Thị X, Trần Thị Kim L, Tạ Thị L.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:***

***Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*** Ông Nguyễn Văn D có 02 thửa đất gồm: Thửa đất 169, tờ bản đồ số 40, có diện tích 90,6m<sup>2</sup>, loại đất ODT, có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ bà Đỗ Thị T vào ngày 14/01/2003, đã được UBND quận Ninh Kiều cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Thửa đất 170, tờ bản đồ số 40, diện tích 87,5m<sup>2</sup>, loại đất ODT, có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ ông Lương Văn U vào ngày 27/12/2001, thửa đất này ông D cũng đã được UBND quận Ninh Kiều cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tất cả các thửa đất tọa lạc tại đường Mậu Thân, phường A, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Sau khi nhận chuyển nhượng ông D chưa sử dụng thì phát hiện gia đình bà Tạ Thị L, Tạ Thị X đã bao chiếm sử dụng cùng với các con cháu là Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Thu H, La Thị Hồng N, Tạ Minh Q, Tạ Phước D, Tạ Quốc H, Trần Thị Kim L, Tạ Thị Kim T, Tạ Chiến T, hiện nay căn cứ vào bản trích đo hồ sơ địa chính số 71/TTKTTNMT, ngày 15/10/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ lại ngày 28/8/2019 thể hiện tại thửa 169 và thửa 170 các ông, bà đã cất nhà lấn chiếm trên thửa đất như sau: thửa đất 169 đã xây dựng nhà chính lấn chiếm 05m<sup>2</sup> và nhà tạm lấn chiếm 15,6m<sup>2</sup>, đối với thửa 170 không có xây dựng nhà nhưng dùng làm sân sử dụng và làm lối đi lại. Nay yêu cầu các ông, bà Tạ Thị L, Tạ Thị X, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Thu H, La Thị Hồng N, Tạ Minh L, Tạ Quốc H, Tạ Phước D, Trần Thị Kim L, Tạ Thị Kim T, Tạ Chiến T phải có trách nhiệm tháo dỡ các tài sản xây dựng trên đất và phần lấn chiếm làm sân sử dụng để trả lại phần đất lấn chiếm cho nguyên đơn. Công nhận 02 quyền sử dụng đất tại 02 thửa 169 và 170 nêu trên cho nguyên đơn.

**Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày:** Qua yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu di dời nhà trả lại quyền sử dụng đất, các bị đơn không đồng ý. Do nguồn gốc quyền sử dụng đất này là của cha mẹ bà L sinh sống từ năm 1969 sau đó chết để lại cho 03 người con gồm Tạ Thị X, Tạ Thị L và ông Tạ Văn Tâm (Ông Tâm hiện đã chết). Trên quyền sử dụng đất này hiện gồm các ông, bà Tạ Thị L, Tạ Thị X, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Thu H, La Thị Hồng N, Tạ Minh L, Tạ Quốc H, Tạ Phước D, Trần Thị Kim L, Tạ Thị Kim T, Tạ Chiến T đang sử dụng, phần đất mà gia đình bị đơn sinh sống thì chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng gia đình của bà L đã đóng thuế quyền sử dụng đất từ đó đến nay.

**Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố C trình bày:** Về nguồn gốc và tình hình lấn chiếm của các hộ dân: Khu đất đường Mậu Thân phường A, quận Ninh Kiều trước đây là Trung tâm yểm trợ tiếp vận Phong Dinh doanh trại Nguyễn Lập D của chế độ cũ Sài Gòn là khu gia đình sỹ quan chế độ cũ. Năm 1992, Quân khu C quy hoạch làm khu gia đình cán bộ của Bộ chỉ huy Quân sự thành phố và đã cấp 57 nền (cấp cho 52 cán bộ sỹ quan và 5 thường dân). Khu đất này do Bộ CHQS thành phố quản lý và đã bàn giao ra địa phương tiếp quản để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình.

Vào năm 1977, một số gia đình sỹ quan chế độ cũ buộc phải đi vùng kinh tế mới, còn lại 05 hộ dân không đi mà ở lại từ đó cho đến nay gồm: Trần Văn D, Trần Văn T, Trương Thị T, Tạ Thị X, Nguyễn Thị H.

Năm 1983, Thành đội Cần Thơ tiếp tục đề nghị 05 hộ dân di dời. Qua các lần họp giải quyết việc di dời 05 hộ dân đang chiếm đất ở, UBND phường A đã đề nghị xem xét, sắp xếp cho 05 hộ dân được ở trên phần đất trên. Xét đề nghị của UBND phường A là hợp lý nên Bộ CHQS thành phố Cần Thơ xét cấp cho 05 hộ dân ở trên đất, mỗi hộ được cấp  $56,25m^2$  (  $3,75m \times 15m$ ) theo sơ đồ bố trí chung của toàn khu. Đến nay hộ ông Trần Văn T đã xây dựng nhà tại lô đất được bố trí, các hộ còn lại chưa chịu di dời đúng vị trí. Các hộ này nhà đã xuống cấp nằm chắn lối vào khu dân cư, gây nhiều khó khăn trong việc đi lại của tập thể cán bộ ( nay là hẻm 45 đường Mậu Thân).

Bộ CHQS thành phố Cần Thơ đã nhiều lần phối hợp với chính quyền địa phương vận động 04 hộ dân này di dời nhà vào đúng vị trí đã được bố trí nhưng không chấp hành mà vẫn ngan nhien ở cho đến nay.

Theo sơ đồ quy hoạch tổng thể nhà ở Mậu Thân có chứa và thể hiện 05 nền nhà cho các hộ trong trong đó hộ ông Trần Văn T đã xây dựng nhà tại lô đất được bố trí, còn 04 hộ chưa chịu di dời gồm: Trần Văn D, Trương Thị T, Tạ Thị X, Nguyễn Thị H. Việc cấp đất cho các hộ này không có quyết định mà chỉ thể hiện trên sơ đồ bố trí quy hoạch tổng thể gồm sơ đồ quy hoạch được Chỉ huy trưởng Bộ CHQS thành phố Cần Thơ phê duyệt ngày 08/5/2009 và sơ đồ được Bộ Tư lệnh Quân khu C phê duyệt.

Bộ CHQS thành phố xin miễn tham gia tố tụng, đề nghị Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều căn cứ các cơ sở pháp lý giải quyết theo thẩm quyền.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Nguyên đơn vẫn yêu cầu buộc bị đơn phải trả lại phần đất lấn chiếm, đồng thời đồng ý hỗ trợ 50 triệu đồng chi phí di dời cho nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DSST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều tuyên xử như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D

1/. Công nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn D được UBND Tỉnh C (cũ) cấp giấy CNQSD đất số 02072/QSDĐ, ngày 18/02/2002, với thửa đất 169, tờ bản đồ số 40, với diện tích là 90,6 m<sup>2</sup>, loại đất ở đô thị, tọa lạc tại đường Mậu Thân, phường A, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Buộc các bị đơn bà Tạ Thị L, Tạ Thị X, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Thu H, La Thị Hồng N, Tạ Minh Q, Tạ Quốc H, Tạ Phước D, Trần Thị Kim L, Tạ Thị Kim T, Tạ Chiến T phải có trách nhiệm tháo dỡ các tài sản xây dựng trên đất cụ thể một phần nhà chính có diện tích 05m<sup>2</sup> và một phần nhà tạm có diện tích 15,6m<sup>2</sup> để giao trả diện tích đất lấn chiếm cho nguyên đơn. *(Vị trí, kích thước căn cứ theo bản trích đo địa chính số 71/TTKTTNMT, ngày 15/10/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ kèm theo bản trích đo địa chính cùng ngày).*

2/. Công nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn D được UBND thành phố Cần Thơ, Tỉnh C (cũ) cấp giấy CNQSD đất số 02800/QSDĐ, ngày 26/02/2003, với thửa đất 170, tờ bản đồ số 40, với diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 87,50 m<sup>2</sup>, diện tích đo đạc thực tế là 46,1m<sup>2</sup>, loại đất ở đô thị, tọa lạc tại đường Mậu Thân, phường A, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Buộc các bị đơn bà Tạ Thị L, Tạ Thị X, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Thu H, La Thị Hồng N, Tạ Minh Q, Tạ Quốc H, Tạ Phước D, Trần Thị Kim L, Tạ Thị Kim T, Tạ Chiến T phải có trách nhiệm tháo dỡ các tài sản xây dựng trên đất, chấm dứt hành vi bao chiếm để giao trả diện tích đất lấn chiếm cho nguyên đơn là 46,1m<sup>2</sup>. *(Vị trí, kích thước căn cứ theo bản trích đo địa chính số 71/TTKTTNMT, ngày 15/10/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ kèm theo bản trích đo địa chính cùng ngày).*

3/. Tách việc yêu cầu đòi công nhận quyền sử dụng đất mà nguyên đơn ông Nguyễn Văn D còn thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua đo đạc có diện tích là 41,9m<sup>2</sup> thành vụ án khác, do phần này hiện là đường đi công cộng, chứ không do các bị đơn bao chiếm.

4/. Ghi nhận việc nguyên đơn ông Nguyễn Văn D tự nguyện hỗ trợ tiền di dời tài sản trên đất cho các bị đơn Tạ Thị L, Tạ Thị X, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Thu H, La Thị Hồng N, Tạ Minh Q, Tạ Quốc H, Tạ Phước D, Trần Thị Kim L, Tạ Thị Kim T, Tạ Chiến T với số tiền là **50.000.000** đồng (Năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/9/2020 bị đơn bà Tạ Thị L, Tạ Thị X và Trần Thị Kim L cùng kháng cáo yêu cầu bác khởi kiện của nguyên đơn; yêu cầu Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố C tham gia giải quyết bồi thường giải phóng mặt bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đương sự còn lại giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung giải quyết vụ án: với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn giao trả lại phần diện tích đất thuộc hai thửa 169 và 170 đã lấn chiếm sử dụng. Cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết theo quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử nhận thấy;

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy nguyên đơn ông Nguyễn Văn D đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 169, tờ bản đồ số 40, diện tích 90,6m<sup>2</sup> ngày 18/02/2002 và thửa 170 tờ bản đồ số 40, diện tích 87,5m<sup>2</sup> ngày 26/2/2003. Thửa 169 có nguồn gốc từ việc nhận chuyển nhượng của ông Lương Văn U, bà Ngô Thị H đã được nhà nước giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/9/1998 tại thửa 99A<sup>2</sup> tờ bản đồ số 40 diện tích 90,6m<sup>2</sup>. Thửa đất 170 do ông D nhận chuyển nhượng của bà Đỗ Thị T, bà T trước đây nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn R, ông R cũng được nhà nước giao đất và được cấp giấy chứng nhận ngày 30/12/1998 tại thửa 96A<sup>3</sup>, tờ bản đồ số 40, diện tích 87,5m<sup>2</sup>. Chính vì các cá nhân như ông U, ông R được nhà nước giao đất hợp pháp, nguyên đơn nhận chuyển nhượng từ những người này, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên có cơ sở xác định hai thửa đất nêu trên thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn.

Thực tế, phía bị đơn đã ở trên đất nhiều năm nhưng vẫn chưa được công nhận quyền sử dụng đất, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bởi lẽ, các hộ dân phải gồm: Trần Văn D, Trần Văn T, Trương Thị T, Tạ Thị X, Nguyễn Thị H thuộc trường hợp phải di dời sang vị trí đất mới đã được bố trí theo quy hoạch. Tuy nhiên chỉ có hộ ông Trần Văn T đã di dời đúng nơi đã được bố trí, những hộ còn lại trong đó có hộ Tạ Thị X không chịu di dời và vẫn tiếp tục ở trên đất được thể hiện tại Công văn của Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố C số 935 ngày 15/6/2020. Qua đó cho thấy phần đất hộ bà Tạ Thị X sử dụng là không đúng với quy định của pháp luật và hiện nay trên đất này có nhiều người sinh sống như Tạ Thị L, Tạ Thị X, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Thu H, La Thị Hồng N, Tạ Minh Q, Tạ Quốc H, Tạ Phước D, Trần

Thị Kim L, Tạ Thị Kim T, Tạ Chiến T. Do đó không có căn cứ công nhận phần đất đang sử dụng cho các bị đơn.

Qua thẩm định thực tế tại thửa đất 169 là 90,6m<sup>2</sup> không chênh lệch so với diện tích được cấp theo giấy chứng nhận. Tuy nhiên, bị đơn đã lấn sang phần đất của nguyên đơn 5m<sup>2</sup> xây phần nhà chính và 15,6m<sup>2</sup> phần nhà tạm. Đối với thửa đất 170 diện tích trên giấy là 87,5m<sup>2</sup>, đo đạc thực tế 88m<sup>2</sup> trong đó có 46,1m<sup>2</sup> bị đơn đang sử dụng làm sân nên cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bị đơn trả lại phần đất 5m<sup>2</sup> và 15,6m<sup>2</sup> tại thửa 169 và 46,1m<sup>2</sup> tại thửa 170 cho nguyên đơn trong trường hợp này là có căn cứ.

Do đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và bị đơn, cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không có yêu cầu gì đối với Bộ chỉ huy quân sự thành phố C nên không có cơ sở đề Hội đồng xét xử xem xét nội dung kháng cáo này trong giai đoạn phúc thẩm.

Với những phân tích nêu trên kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Án phí sơ thẩm: Cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải chịu 300.000 đồng là chưa đúng theo quy định tại Điều 48 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016. Do đó cấp phúc thẩm cần điều chỉnh lại cho phù hợp mà không cần tuyên sửa án sơ thẩm.

[4] Về án phí án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Tạ Thị X được miễn; bà Trần Thị Kim L, bà Tạ Thị L phải chịu theo quy định.

Căn cứ đề nghị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D

Công nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn D được UBND Tỉnh C (cũ) cấp giấy CNQSD đất số 02072/QSDĐ, ngày 18/02/2002, với thửa đất 169, tờ bản đồ số 40, với diện tích là 90,6 m<sup>2</sup>, loại đất ở đô thị, tọa lạc tại đường Mậu Thân, phường A, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Buộc các bị đơn bà Tạ Thị L, Tạ Thị X, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Thu H, La Thị Hồng N, Tạ Minh Q, Tạ Quốc H, Tạ Phước D, Trần Thị Kim L, Tạ Thị Kim T, Tạ Chiến T phải có trách nhiệm tháo dỡ các tài sản xây dựng trên đất cụ thể một phần nhà chính có diện tích 05m<sup>2</sup> và một phần nhà tạm có diện tích 15,6m<sup>2</sup> để giao trả diện tích đất lấn chiếm cho nguyên đơn.

Công nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn D được UBND thành phố Cần Thơ, Tỉnh C (cũ) cấp giấy CNQSD đất số 02800/QSDĐ, ngày 26/02/2003, với thửa đất 170, tờ bản đồ số 40, với diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 87,50 m<sup>2</sup>, diện tích đo đạc thực tế là 46,1m<sup>2</sup>, loại đất ở đô thị, tọa lạc tại đường Mậu Thân, phường A, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ. Buộc các bị đơn bà Tạ Thị L, Tạ Thị X, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Thu H, La Thị Hồng N, Tạ

Minh Q, Tạ Quốc H, Tạ Phước D, Trần Thị Kim L, Tạ Thị Kim T, Tạ Chiến T phải có trách nhiệm tháo dỡ các tài sản xây dựng trên đất, chấm dứt hành vi bao chiếm để giao trả diện tích đất lần chiếm cho nguyên đơn là 46,1m<sup>2</sup>.

*(Vị trí, kích thước căn cứ theo bản trích đo địa chính số 71/TTKTTNMT, ngày 15/10/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ kèm theo bản trích đo địa chính cùng ngày).*

Tách việc yêu cầu đòi công nhận quyền sử dụng đất mà nguyên đơn ông Nguyễn Văn D còn thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua đo đạc có diện tích là 41,9m<sup>2</sup> thành vụ án khác, do phần này hiện là đường đi công cộng, chứ không do các bị đơn bao chiếm.

Ghi nhận việc nguyên đơn ông Nguyễn Văn D tự nguyện hỗ trợ tiền di dời tài sản trên đất cho các bị đơn Tạ Thị L, Tạ Thị X, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Thu H, La Thị Hồng N, Tạ Minh Q, Tạ Quốc H, Tạ Phước D, Trần Thị Kim L, Tạ Thị Kim T, Tạ Chiến T với số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Chi phí thẩm định, định giá: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D tự nguyện nộp 6.211.500 đồng ( Sáu triệu, hai trăm mười một ngàn, năm trăm đồng) công nhận đã nộp xong. Bị đơn bà Trần Thị Kim L phải nộp 2.100.000 đồng ( Hai triệu, một trăm ngàn đồng) công nhận đã nộp xong.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Tạ Thị X được miễn, các bị đơn bà Tạ Thị L, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Thu H, La Thị Hồng N, Tạ Minh Q, Tạ Quốc H, Tạ Phước D, Trần Thị Kim L, Tạ Thị Kim T, Tạ Chiến T mỗi người phải nộp 200.000 đồng. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.152.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 004084, ngày 25/11/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Tạ Thị X được miễn án phí phúc thẩm, bà Trần Thị Kim L, Tạ Thị L mỗi người phải chịu 300.000đ. Nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 003041 và 003042 cùng ngày 10/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều. Các đương sự đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND Q.Ninh Kiều;
- Chi cục THADS. Q.Ninh Kiều;
- Lưu (HS – 2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
**(Đã ký)**  
**Phạm Lâm Đồng**